Tiểu Kinh Sư Tử Hống (Cūḷasīhanāda Sutta)

Kinh Trung Bộ (VNC PHVN, 2020)

11. TIỂU KINH Sư TỬ HÔNG (CũIasĩhanãda Suttdỷ

139. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi (Xá-vệ)? tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), trong vườn ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: -Này các Tỷ-kheo! - Bạch Thế Tôn. Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết như sau: Này các Tỷ-kheo? chỉ ở đây1 2 có Sa-môn thứ nhất3? chỉ ở đây có Sa-môn thứ hai; chỉ ở đây có Sa-môn thứ ba, chỉ ở đây có Sa-môn thứ tư, các ngoại đạo khác4 không có Sa-môn. Này các Tỷ-kheo9 các ông hãy chơn chánh rống tiếng rống con sư tử như vậy. 140. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra, khi ở đây, những du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Chu Tôn giả có tin tưởng gi, có sức lực gì mà chư Tôn giả tuyên bố: Chỉ ở đây có Sa-môn thứ nhất, chỉ ở đây có Sa-môn thứ hai, chỉ ở đây có Sa-môn thứ ba, chỉ ở đây có Sa-môn thứ tu, các ngoại đạo khác không có Sa-m6n." Này các Tỷ-kheo5 nếu được các du sĩ ngoại đạo nói như vậy? cần phải trả lời họ như sau: "Chu Hiền, vì chúng tôi tự chánh kiến bốn pháp, được Thế Tôn tuyên bố cho chúng tôi biết5 bậc Đã Thấy, Đã Biết, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, nên chúng tôi nói: 6Chỉ ở đây có Sa-môn thứ nhất, chỉ ở đây có Sa-môn thứ hai, chỉ ở đây có Sa-môn thứ ba, chỉ ở đây có Sa-môn thứ tu' Thế nào là bốn? Chư Hiền, chúng tôi có lòng tin bậc Đạo su, có lòng tin Pháp, có sự thành tựu viên mãn các giới luật; và những pháp hữu5 của chúng tôi, những ngựời cư sĩ và những người xuất gia, được chúng tôi thương, chúng tôi mến. Chư Hiền, vì chúng tôi tự chánh kiến bốn pháp, được Thế Tôn tuyên bố cho chúng tôi biết, bậc Đã Thấy, Đã Biết, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, nên chúng tôi nói: 'Chỉ ở đây có Sa-môn

1 Xem4 II. 238. Kinh tương đương trong bộ TrungA-hàm kỉnh là Sư tử hổng kỉnh (r.01.0026.103. 0590b05). Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.27.2. 0643c02). 2 Idh (eva.
MA. II. 4: “Trong chính lời dạy này.” 3D. II. 151: Thứ nhất là Dự lưu, thứ hai là Nhất lai, thứ ba là Bất lai và thứ tư là A-la-hán. 4 Xem 62 tà kiến trong D. I. 1, Brahmajala Sutta (Kỉnh Phạm v3ng).

5 Sahadhammika. MA. II. 8 chỉ cho các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, các vị tập sự Sa-di, Sa-di-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ. Sahadhammika còn đồng nghĩa với chữ Ariyasãvaka (Thánh đệ tử).

thứ nhất, chỉ ở đây có Sa-môn thứ hai, chỉ ở đây có Sa-môn thứ ba, chỉ ở đây có Sa-môn thứ tu, các ngoại đạo khác không có [quả vị] Sa-m6n.‘” 141. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra, khi ở dây, những du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Chu Hiền, chúng tôi cũng có lòng tin bậc Đạo su,6 vị ấy là Đạo sư của chúng tôi. Chúng tôi có lòng tin pháp, pháp ấy là pháp của chúng tôi, chúng tôi thành tựu viên mãn các giới luật,6 7 những giới luật ấy là giới luật của chúng tôi. Và những pháp hữu của chúng tôi, những người cư sĩ và cả những người xuất gia, được chúng tôi thương, được chúng tôi mến. Chư Hiền, như vậy có sự sai biệt gì, có sự đặc thù gì5 có sự khác biệt gì giữa quý vị và chúng t6i?" Chư

Tỷ-kheo5 nếu được các du sĩ ngoại đạo nói như vậy, cần phải trả lời họ như sau: "Chu Hiền, cứu cánh8 là một hay cứu cánh là đa dien?” Nếu trả lời đúng đắn, các du sĩ ngoại đạo phải trả lời: "Chu Hiền, cứu cánh là một, cứu cánh không phải đa diện.^, "Chu Hiền, cứu cánh ấy cho người có tham hay cho người không tham?” Nêu trả lời đúng đăn, các du sĩ ngoại đạo phải trả lời: "Chu Hiên, cứu cánh ấy cho người không tham, không phải cho người có tham." “Chu Hiền, cứu cánh ấy cho người có sân hay cho người không sân?" Nếu trả lời đúng dắn, các du sĩ ngoại đạo phải trả lời: "Chu Hiền, cứu cánh ấy cho người không sân, không phải cho người có sân.,, "Chu Hiền, cứu cánh ấy cho người có si hay cho người không si?” Nếu trả lời đúng đắn, các du sĩ ngoại đạo phải trả lời: “Chu Hiền, cứu cánh ấy cho người không si, không phải cho người có si.” “Chu Hiền? cứu cánh ấy cho người có ái hay cho người không ái?" Nếu trả lời đúng đắn, các du sĩ ngoại đạo phải trả lời: "Chu Hiền, cứu cánh ấy cho người không ái, không phải cho người có ái.95 "Chu Hiên5 cứu cánh ây cho người có châp thủ, hay cho người không chấp thủ?" Nếu trả lời đúng đắn, các du sĩ ngoại đạo phải trả lời: “Chu Hiền, cứu cánh ấy cho người không chấp thủ? không phải cho người chấp thiì." “Chu Hiền, cứu cánh ấy cho người có trí, hay cho người không có trí?” Nếu trả lời đúng đắn, các du sĩ ngoại đạo phải trả lời: "Cứu cánh ấy cho người có trí, không phải cho người không có trí."

6 MA. II. 9 chỉ cho Pũrana Kassapa và 6 vị Luận sư ngoại đạo. 7 MA. II. 9 chỉ cho các giới luật như theo hạnh dê, hạnh bò, hạnh chó. 8 Nitthã: Cứu cánh. MA. II. 9 giải thíchpariyosãnabhũta: Sự trở thành cứu cánh, mục tiêu tối hậu. giải thích cứu cánh đa diện của ngoại đạo znhư Phạm thiên giới là cứu cánh của Bà-la-môn, Quang Âm thiên (Ãbhassãrã) cho các vị tu khổ hạnh, Biến Tịnh thiên (Subhakinha) cho các du sĩ, nhưng ứong giao pháp này, cứu cánh la quả vị A-la-hán.

11. TIỂU KINH SƯTỬHỐNG^81

“Chu Hiền, cứu cánh ấy cho người thuận ứng,9 nghịch ứng910 hay cho người không thuận ứng, không nghịch ứng?" Nếu trả lời đúng đắn, các du sĩ ngoại đạo phải trả lời: "Chu Hiền, cứu cánh ấy cho người không thuận ứng, không nghịch ứng, không phải cho người thuận ứng, nghịch ứng." "Chu Hiền, cứu cánh ấy cho người ưa hý luận, thích hý luận11 hay cho người không ưa hý luận, không thích hý 111?” Nếu trả lời đúng đắn5 các du sĩ ngoại đạo cần phải trả lời: “Chu Hiền, cứu cánh ấy cho người không ưa hý luận, không thích hý luận, không phải cho người ưa hý luận? thích hý 111.” 142. Chư Tỷ-kheo, có hai loại tri kiến này: Hữu kiến và phi hữu kiến.12 Chư Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chấp trước hữu kiến, thân thiết hữu kiến, cố chấp hữu kiến; những vị ấy bị chướng ngại đối với phi hữu kiến. Chư Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chấp trước phi hữu kiến, thân thiết phi hữu kiến, cố chấp phi hữu kiến; những vị ấy bị chướng ngại bởi hữu kiến. Chư Tỷ-kheo9 những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật tuệ tri sự tập khởi và sự đoạn diệt của hai loại kiến này, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly13 khỏi chúng; những vị này là những vị có tham, có sân, có si, có ái, có chấp thiỉ, không có trí, có thuận ứng, có nghịch ứng, có ưa hý luận? có thích hý luận; những vị ấy không giải thoát khỏi sanh, già5 chết, sầu, bi, khổ? ưu, não. Ta nói

những vị ấy không giải thoát khỏi đau khổ. Chư Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào như thật tuệ tri sự tập khởi và sự đoạn diệt của hai loại kiến này, vị ngọt, sự nguy hiểm, và sự xuất ly khỏi chúng; những vị này là những vị không tham, không sân, không si, không ái, không chấp thủ, có trí, không có thuận ứng, không có nghịch ứng, không ưa hý luận, không thích hý luận; những vị ấy giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói những vị ấy giải thoát khỏi đau khổ. 143. Chư Tỷ-kheo? có bốn chấp thủ. Thế nào là bốn? Dục thủ? kiến thủ, giới cấm thủ5 ngã luận thủ. Chư Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhxmg không chơn chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ; họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, nhưng không hiển thị sự liễu tri về kiến thủ, về giới cấm thủ9 về ngã luận thủ. Vì sao vậy? Những Hiền giả Sa-m6n, Bà-la-môn ấy không như thật tuệ tri ba sự. Do vậy, những Hiền giả Sa-môn5 Bà-la-môn ấy tuy tự xưng liễu

9 Anuruddha. MA. II. 10 giải thích chịu sự áp lực bởi tham ái. 10 Patỉvỉruddha. MA. II. 10 giải thích chịu sự chi phối bởi sân hận. 11 Papancărãmassapapancaratv. ưa hý luận, thích hý luận. MA. II. 10 giải thích là đồng nghĩa với tham dục, tà kiến và kiêu mạní 12 Bhavaditfhi ca vibhavaditthi ca: Hữu kiến và phi hữu kiến. MA. II. 10 gọi là Thường kiến và Đoạn kiến. 13 Nissarana: Xuất ly. MA. II. 11 gọi là Niết-bàn.

tri tât cả thủ? nhtmg không chơn chánh hiên thị sự liêu tri tât cả thủ. Họ hiên thị Sự liêu tri vê dục thủ, nhimg không hiên thị sự liêu tri vê kiên thiỉ, vê giới câm thủ5 về ngã luận thủ. Chư Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chơn chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ nhưng không hiển thị sự liễu tri về giới cấm thủ, sự liễu tri về ngã luận thủ. Vì sao vậy? Những Hiền giả Sa-môn? Bà-la-mon ấy không như thật tuệ tri hai sự. Do vậy9 những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chơn chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ; nhưng không hiển thị sự liễu tri về giới cấm thủ, sự liễu tri về ngã luận thủ. Chư Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhưng không chơn chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ, sự liễu tri về giới cấm thủ, nhimg không hiển tìij sự liễu tri về ngã luận thủ. Vì sao vậy? Những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy không như thật tuệ tri một sự. Do vậy, những Hiền giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy tuy tự xưng liễu tri tất cả thủ, nhimg không chơn chánh hiển thị sự liễu tri tat cả thủ. Họ hiển thị sự liễu tri về dục thủ, sự liễu tri về kiến thủ, sự liễu tri về giới cấm thủ5 nhưng không hiển thị sự liễu tri về ngã luận thủ. Chư Tỷ-kheo5 trong Pháp và Luật như vậy, nêu có tịnh tín đôi với bậc Đạo sư, tịnh tín ấy được xem là không hoàn toàn; nếu có tịnh tín đối với Pháp, tịnh tín ấy được xem là không hoàn toàn; nếu có thành tựu viên mãn các giới luật? sự thành tựu ây được xem là không hoàn toàn; nêu có sự thương mên đôi với những pháp hữu, sự thương mến ấy được xem là không hoàn toàn. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, sự tình là như vậy, trong một Pháp và Luật không khéo thuyết giảng, không khéo hiển thị5 không có hướng thượng,14 không dẫn đến tịch tịnh?15 không được bậc Chánh Đẳng Giác hiển

thị. 144. Và chư Tỷ-kheo, bậc Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác tự xưng liễu tri tất cả thủ5 chơn chánh hiển thị sự liễu tri tất cả thủ. Như Lai hiển thị sự liễu tri về dục thủ? sự liễu tri về kiến thủ, sự liễu tri về giới cấm thủ9 sự liễu tri về ngã luận thủ. Chư Tỷ-kheo, trong một Pháp và Luật như vậy, nếu có tịnh tín đối với bậc Đạo sư, tịnh tín ấy được xem là hoàn toàn; nếu có tịnh tín đối với Pháp, tịnh tín ấy được xem là hoàn toàn; nếu có thành tựu viên mãn các giới luật? sự thành tựu ấy được xem là hoàn toàn; nếu có sự thương mến đối với các pháp hữu, sự thương mến ẩy được xem là hoàn toàn. Vì sao vậy? Chư Tỷ- kheo, sự tình là như vậy, trong một Pháp và Luật khéo thuyêt giảng, khéo hiên thj, có hướng thượng, dẫn đến tịch tịnh, được bậc Chánh Đẳng Giác hiển thị. 145. Chư Tỷ-kheo5 bốn loại chấp thủ này lấy gì làm duyên, lấy gì làm 14 Chỉ đưa đến luân hồi trong cảnh giới súc sanh. 15 Không được an tịnh vì tham ái... Xem MA. II. 15.

11. TIỂU KINH Sư TỬ HỐNG 83

tập khởi, lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Bốn loại chấp thủ này lấy ái làm duyên, lấy ái làm tập khởi, lấy ái làm chủng, lấy ái làm nhân. Chư Tỷ-kheo5 ái này lấy gì làm duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, ái này lấy thọ làm duyên, lấy̧ thọ làm tập khởi, lấy thọ làm chủng, lấy thọ làm nhân. Chư Tỷ-kheo, thọ này lấy gì làm duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, thọ này lấy xúc làm duyên, lấy xúc làm tập khởi, lấy̧ xúc làm chủng, lấy xúc làm nhân. Chư Tỷ-kheo, xúc này lấy gì làm duyên, lây̧ gì làm tập khởi? lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo? xúc này lây sáu nhập làm duyên, lây sáu nhập làm tập khởi, lấy sáu nhập làm chủng, lấy sáu nhập làm nhân. Chư Tỷ-kheo, sáu nhập này lấy gì làm duyên, lấy gì làm tập ỏi, lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, sáu nhập này lấy danh sắc làm duyên, lấy danh sắc làm tập khởi, lấy danh sắc làm chủng, lấy danh sắc làm nhân. Chư Tỷ-kheo5 danh sắc này lấy gì làm duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo? danh sắc này lấy thức làm duyên, lấy thức làm tập khởi, lấy̧ thức làm chủng, lấy thức làm nhân. Chư Tỷ-kheo5 thức này lấy gì làm duyên, lay gì làm tập khởi? lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, thức này lấy hành làm duyên, lấy hành làm tập khởi, lấy hành làm chủng, lấy hành làm nhân. Chư Tỷ-kheo, hành này lấy gì làm duyên, lấy gì làm tập khởi? lấy gì làm chủng, lấy gì làm nhân? Chư Tỷ-kheo, hành này lấy vô minh làm duyên, lấy vô minh làm tập khởi, lấy vô minh làm chủng, lây vô minh làm nhân. Và chư Tỷ-kheo? khi một Tỷ-kheo đã đoạn trừ vô minh, đã làm minh16 sanh khởi; vị ấy do vô minh được đoạn trừ5 do minh sanh khởi, nên không chấp thủ dục thủ, không chấp thủ kiên thủ, không chấp thủ giới cấm thủ? không chap thủ ngã luận thủ. Nhờ không chấp thủ nên không tháo động5 nhờ không tháo động, nên tự thân chứng được Niết-bàn;17 vị ấy tuệ tri: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa.” Thê Tôn thuyêt giảng như vậy? các Tỷ-kheo ây hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thê Tôn.

16 vyjã: Minh, chỉ cho sự hiểu biết con đường đưa đến quả vị A-la-hán. Xem MA. II. 18.
17 Paccattam yeva parỉnỉbbãyatỉ. MA. II. 18, 229 giải thích sayam eva kỉlesaparỉnỉbbãnena parỉnibbãyatỉ, nghĩa là tự minh chứng Niết-bàn nhờ giải thoát

khói các phiền não.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.